TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/DS-ST
Ngày: 28- 8-2021
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN,TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Vân

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Nguyễn Văn Kiểm

2.Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2021/QĐXXST-DS ngày 31/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐST-DS ngày 18/8/2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Ông Dương Xuân H, sinh năm 1962 (có mặt)*

Nơi cư trú: Số nhà 43, tổ dân phố Ngô Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** *Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1983 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Cầu Đồng 9, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** *Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Cầu Đồng 9, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/4/2021 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ông Dương Xuân H trình bày:*

Ông và vợ chồng anh Đỗ Văn D, chị Nguyễn Thị C là chỗ quen biết. Ngày 01/11/2018, vợ chồng anh D có vay số tiền 130.000.000 đồng của ông. Khi vay hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là vào ngày 01/12/2018, lãi suất là 1,5%/tháng, không thỏa thuận tài sản bảo đảm. Mục đích anh D, chị C vay tiền là để đáo hạn ngân hàng. Khi vay hai bên có lập biên bản vay tiền đề ngày

01/11/2018. Khi đó có mặt ông, vợ chồng anh D, chị C. Ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Ông đã giao đầy đủ số tiền 130.000.000 đồng cho vợ chồng anh D. Sau đó hai bên lập giấy biên nhận vay tiền, anh D và chị C sau khi đọc giấy biên nhận vay tiền xong và nhất trí và ký tên vào phần mục người vay tiền. Chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền là chữ viết của ông, chữ ký " C, Nguyễn Thị C, D, Đỗ Văn D" trong mục người vay tiền là chữ ký của anh D, chị C. Kể từ khi vay, ông có yêu cầu vợ chồng anh D trả nợ ông nhưng vợ chồng anh D chưa thanh toán trả ông khoản tiền gốc và lãi nào. Ngoài khoản vay ngày 01/11/2018, vợ chồng anh D có nhiều lần vay tiền của ông có mã trả, có mã chưa thanh toán trả nhưng ông nay chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh D, chị C phải thanh toán trả ông số tiền theo giấy biên nhận vay tiền đề ngày 01/11/2018 nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày vay 01/11/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông xác định số tiền 130.000.000 đồng mà ông cho vợ chồng anh D, chị C vay là tài sản cá nhân của ông, không phải tài sản chung của vợ chồng ông.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Dương Xuân H có mặt trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng anh D, chị C có trách nhiệm trả ông số nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi phải trả từ tháng 01/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2019 theo lãi suất là 10%/năm.

* Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh D, chị C nhưng tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, bị đơn là anh Đỗ Văn D; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ của ôn g H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đỗ Văn D và chị Nguyễn Thị C vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn ông H chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn anh D; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị C không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H: Buộc vợ chồng anh D, chị C phải liên đới trả cho ông H số tiền gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi là 36.725.000 đồng.

Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Dương Xuân H và anh Đỗ Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Đỗ Văn D, chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D, chị C.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Dương Xuân H có đơn khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Văn D, chị Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả số tiền gốc nợ là 130.000.000 đồng và tiền lãi phải trả từ tháng 01/11/2018 theo lãi suất là 10%/năm đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2020 được xác định là quan hệ " Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Xuân H, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

Tại Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 01/11/2018 với số tiền là 130.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết của anh Đỗ Văn D; chị Nguyễn Thị C. Ông H khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền mục người vay ký là chữ viết và chữ ký của anh D, chị C. Tại các buổi làm việc và hòa giải thì anh D, chị C đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi ích cho mình. Mặt khác, ông H trình bày mục đích vay của anh D, chị C để đáo hạn Ngân hàng, ông H xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh D, chị C vì anh D, chị C cùng ký tên trong giấy biên nhận vay tiền. Số tiền cho vay ông H xác định là khoản tiền riêng của cá nhân ông. Tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu anh D, chị C phải trả cho ông số tiền 130.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh D, chị C nên cần buộc anh D, chị C có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông H số tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền là 130.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

* Số tiền lãi ông H yêu cầu trả theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước hiện nay là 10% kể từ ngày 01/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/8/2021 thì thấy ông H yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Thời điểm từ ngày 01/11/2018 đến ngày 28/8/2021 tiền lãi là 02 năm 09 tháng 27 ngày. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: 02 năm x 130.000.000 đồng x 10% + 09 tháng x 130.000.000 đồng x 0.83% + 27 ngày x 130.000.000 đồng x 0.027% = 26.000.000 đồng + 9.711.000 đồng + 948.000 đồng = 36.659.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà anh D, chị C phải trả cho ông H là: 36.659.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà anh D, chị C phải trả cho ông H cả gốc và lãi là 166.659.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi là 36.659.000 đồng.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do tại phiên tòa anh D, chị C vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên anh D, chị C phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí phải chịu là: 166.659.000 đồng x 5% = 8.333.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H. Buộc anh Đỗ Văn D, chị Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Xuân H tổng số tiền là 166.659.000 đồng đồng (Một trăm sáu sáu triệu sáu trăm năm chín nghìn đồng). Trong đó số tiền gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 36.659.000 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm năm chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Án phí:

Anh Đỗ Văn D và chị Nguyễn Thị C phải chịu 8.333.000 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H trả ông Dương Xuân H số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000316 ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[4] Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 28 tháng 8 năm 2021
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiểm
Ông Trần Văn Thiện

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-DS ngày 15/6/2021 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

**** Nguyên đơn:*** *Ông Dương Xuân H, sinh năm 1962 (có mặt)*

Nơi cư trú: Số nhà 43, tổ dân phố Ngô Xá, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:** Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1983 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Cầu Đồng 9, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Cầu Đồng 9, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

[1] Về điều luật áp dụng:Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[2] Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hải. Buộc bà Nguyễn Thị Phương Lan phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hải tổng số tiền là 95.358.000 đồng (Chín mươi năm triệu ba trăm năm mươi tám triệu đồng). Trong đó số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 35.358.000 đồng (Ba mươi năm triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[4] Án phí:

Anh Đỗ Văn D và chị Nguyễn Thị C phải chịu 8.333.000 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H trả ông Dương Xuân H số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000316 ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Kết quả biểu quyết: 3/3

[4] Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 28 tháng 8 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân